



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02 tháng 10 năm 2019



Chang Hung Chun
Phó Tổng Giám Đốc
Chang Hung Chun
Partner

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



500 1/2 0/10 0/10
0/10 0/10 0/10



270 1 1/2 0/10 0/10
270 1 1/2 0/10 0/10

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 31 tháng 8 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 31 tháng 8 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Lars Kjaer
Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen
Ông Nguyễn Anh Nguyễn
Ông Seokhee Won

Ông Lê Trung Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 15 tháng 2 năm 2017
đến ngày 19 tháng 6 năm 2017)

Đại diện pháp lý

Dr Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 8 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

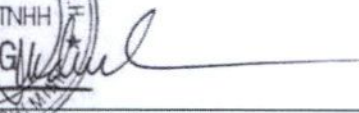
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

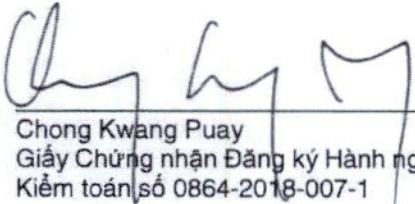
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-392(a)




Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc


Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.450.395.265.773	5.254.289.534.192
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	129.224.525.040	499.923.209.801
Tiền	111		40.325.525.040	134.823.209.801
Các khoản tương đương tiền	112		88.899.000.000	365.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44.210.730.000	37.932.950.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	44.210.730.000	37.932.950.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.265.150.900.563	4.705.405.931.792
Phải thu của khách hàng	131		11.632.964.654	19.698.240.000
Trả trước cho người bán	132		89.100.808	1.226.790.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.962.320.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	1.253.428.835.101	2.722.160.901.192
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.809.110.170	11.027.442.599
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		251.667.808	1.011.994.471
Thuế phải thu Nhà nước	153	7	11.557.442.362	10.015.448.128
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		21.106.739.653.822	20.875.899.754.066
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.258.495.044.988	3.694.504.018.829
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	2.346.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	2.258.495.044.988	1.348.504.018.829
Tài sản cố định	220		4.771.031.643	6.782.520.178
Tài sản cố định hữu hình	221	8	4.556.195.803	6.152.084.765
Nguyên giá	222		27.435.580.956	27.314.079.378
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.879.385.153)	(21.161.994.613)
Tài sản cố định vô hình	227	9	214.835.840	630.435.413
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.614.742.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.482.287.063)	(3.984.307.490)
Tài sản dở dang dài hạn	240		118.585.500	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		118.585.500	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.798.446.091.448	17.083.953.273.720
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	14.419.609.013.812	9.094.721.033.823
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	5(c)	4.378.837.077.636	7.989.232.239.897
Tài sản dài hạn khác	260		44.908.900.243	90.659.941.339
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	44.908.900.243	90.659.941.339
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.557.134.919.595	26.130.189.288.258

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

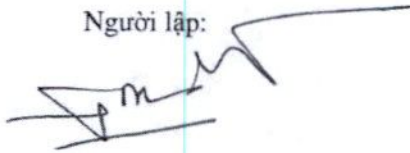
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.957.863.435.238	10.106.061.781.218
Nợ ngắn hạn	310		1.103.426.768.571	2.987.515.114.551
Phải trả người bán	311		444.586.400	44.119.405
Thuế phải nộp Nhà Nước	313		29.244.600	-
Chi phí phải trả	315	11	250.260.648.457	105.053.954.032
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	56.267.289.114	2.314.457.041.114
Vay ngắn hạn	320	13	796.425.000.000	567.960.000.000
Nợ dài hạn	330		9.854.436.666.667	7.118.546.666.667
Vay và trái phiếu dài hạn	338	13	9.854.436.666.667	7.118.546.666.667
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.599.271.484.357	16.024.127.507.040
Vốn chủ sở hữu	410	14	11.599.271.484.357	16.024.127.507.040
Vốn cổ phần	411	15	11.573.739.740.000	7.680.756.740.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	15	6.855.539.345.096	10.649.796.345.096
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Cổ phiếu quỹ	415	15	(6.518.087.064.615)	(641.110.498.916)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.383.417.646.444	30.023.103.428
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		30.023.103.428	13.831.519.301
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	421b		1.353.394.543.016	16.191.584.127
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		22.557.134.919.595	26.130.189.288.258

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

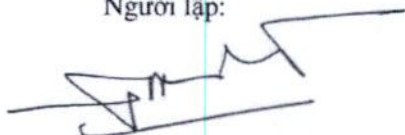
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.580.476.835.997	1.861.035.493.591
Chi phí tài chính	22	19	1.085.515.700.125	670.689.135.928
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		970.447.273.271	613.355.184.493
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	141.480.575.629	388.854.380.252
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		1.353.480.560.243	801.491.977.411
Thu nhập khác	31		-	122.230
Chi phí khác	32		86.017.227	3.434.314.707
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(86.017.227)	(3.434.192.477)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.353.394.543.016	798.057.784.934
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.353.394.543.016	798.057.784.934

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		1.353.394.543.016	798.057.784.934
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.215.370.113	3.340.690.963
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.894.326.954)	(278.814.602)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(2.577.822.551.006)	(1.840.422.995.034)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		1.084.057.273.271	613.355.184.493
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(140.049.691.560)	(425.948.149.246)
Giảm các khoản phải thu và tài sản khác	9		7.217.324.640	250.823.335.495
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		20.504.118.490	(18.325.934.938)
Giảm chi phí trả trước	12		46.511.367.759	47.184.453.664
			(65.816.880.671)	(146.266.295.025)
Tiền lãi vay đã trả	14		(823.521.564.187)	(715.705.565.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(889.338.444.858)	(861.971.860.190)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(322.467.078)	(6.497.563.815)
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.450.416.730.000)	(3.497.290.950.000)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		6.242.470.734.920	4.436.302.570.011
Tiền chi đầu tư	25		(5.333.185.120.000)	(2.800.000.000.000)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		3.874.973.038.476	211.050.440.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27		2.380.436.602.323	672.971.873.031
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.713.956.058.641	(983.463.630.773)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		98.726.000.000	1.232.268.130.000
Tiền chi mua lại công cụ vốn chủ sở hữu và cổ phiếu quỹ	32		(5.876.976.565.699)	(908.037.879.363)
Tiền thu từ đi vay	33		3.910.000.000.000	7.194.350.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.050.570.000.000)	(6.276.881.500.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(2.276.495.862.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.195.316.427.699)	1.241.698.750.637
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(370.698.813.916)	(603.736.740.326)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		499.923.209.801	1.103.658.575.525
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		129.155	1.374.602
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	129.224.525.040	499.923.209.801

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
*Phó Tổng Giám đốc
 Giám đốc Tài chính*



Dr Nguyễn Đăng Quang
*Chủ tịch
 Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 32 nhân viên (1/1/2017: 29 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn cố tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nâng cấp.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí dịch vụ tư vấn

Phí dịch vụ tư vấn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Chi trả bằng cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo mệnh giá được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	110.708.966	240.708.966
Tiền gửi ngân hàng	40.214.816.074	134.582.500.835
Các khoản tương đương tiền	88.899.000.000	365.100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	129.224.525.040	499.923.209.801

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư tài chính

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	44.210.730.000	37.932.950.000
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (b)	14.419.609.013.812	9.094.721.033.823
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	7.989.232.239.897
	<hr/>	<hr/>
	18.798.446.091.448	17.083.953.273.720

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/12/2017					1/1/2017				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings ("MCH")	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(*)	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan) ("MH")	99,9%	99,9%	11.950.000.000.000	-	(*)	99,9%	99,9%	6.616.814.880.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science ("MNS")	82,4%	82,4%	1.953.009.013.812	-	(*)	89,4%	89,4%	1.961.306.153.823	-	(*)
			<u>14.419.609.013.812</u>	-	(*)			<u>9.094.721.033.823</u>	-	(*)

(*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MCH VND	MH VND	MNS VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	516.600.000.000	6.616.814.880.000	1.961.306.153.823	9.094.721.033.823
Tăng các khoản đầu tư trong năm	-	5.333.185.120.000	-	5.333.185.120.000
Thanh lý	-	-	(8.297.140.011)	(8.297.140.011)
Số dư cuối năm	516.600.000.000	11.950.000.000.000	1.953.009.013.812	14.419.609.013.812

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	31/12/2017			1/1/2017						
	% sở hữu trên vốn cổ phần	% quyền biểu quyết trên vốn cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu trên vốn cổ phần	% quyền biểu quyết trên vốn cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	15,0%	15,0%	4.378.837.077.636	-	(*)	15,0%	15,0%	7.989.232.239.897	-	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ sở hữu trên vốn cổ phần của Công ty trong Techcombank là 15,0% (1/1/2017: 15,0%). Trong năm, Techcombank có các giao dịch sau:

- Techcombank đã mua lại 172.353.345 cổ phiếu quỹ;
- Techcombank đã phát hành 70.000.000 cổ phiếu mới;
- Techcombank đã chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành 207.722.849 cổ phiếu phổ thông; và
- Công ty đã thanh lý 16.606.646 trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Techcombank và chuyển đổi 5.692.247 trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi Techcombank thành 41.600.648 cổ phiếu phổ thông.

Biến động trong năm của khoản đầu tư vào một công ty liên kết như sau:

	Techcombank VND
Số dư đầu năm	7.989.232.239.897
Thanh lý	(3.610.395.162.261)
	4.378.837.077.636
Số dư cuối năm	4.378.837.077.636

6. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu từ các bên liên quan	1.252.337.892.836	1.501.646.734.713
Cổ tức phải thu từ một công ty con	-	1.207.540.953.000
Phải thu từ các dịch vụ	-	11.547.311.554
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	945.754.802	1.226.467.925
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.500.000	69.500.000
Phải thu khác	115.687.463	129.934.000
	1.253.428.835.101	2.722.160.901.192

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 883.046 triệu VND liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 11 năm 2018;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- 226.676 triệu VND liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2018;
- Khoản phải thu phi thương mại với số tiền là 142.244 triệu VND từ Công ty Cổ phần Masan, một bên liên quan, không có đảm bảo và sẽ thu được khi yêu cầu; và
- Khoản phải thu phi thương mại với số tiền là 372 triệu VND không có đảm bảo và sẽ thu được khi yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	2.256.036.149.988	1.346.190.523.829
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.458.895.000	2.313.495.000
	2.258.495.044.988	1.348.504.018.829

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 1.124.124 triệu VND (1/1/2017: 1.124.124 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của các khoản cho vay không được đảm bảo cấp cho các công ty con, số dư nợ gốc của các khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2020;
- 68.576 triệu VND (1/1/2017: 7.102 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 11 năm 2021; và
- 1.063.336 triệu VND liên quan đến khoản phải thu từ việc thanh lý 4.891.000 trái phiếu chuyển đổi của một công ty liên kết cho một công ty con. Khoản này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019.

7. Thuế phải thu Nhà nước

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398.015.743	398.015.743
Thuế nhà thầu nước ngoài	11.159.426.619	9.617.432.385
	11.557.442.362	10.015.448.128

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	21.399.524.698	5.914.554.680	27.314.079.378
Tăng trong năm	-	121.501.578	121.501.578
Số dư cuối năm	21.399.524.698	6.036.056.258	27.435.580.956
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	15.765.580.981	5.396.413.632	21.161.994.613
Khấu hao trong năm	1.251.994.951	465.395.589	1.717.390.540
Số dư cuối năm	17.017.575.932	5.861.809.221	22.879.385.153
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.633.943.717	518.141.048	6.152.084.765
Số dư cuối năm	4.381.948.766	174.247.037	4.556.195.803

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 19.808 triệu VND (1/1/2017: không) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.614.742.903
Tăng trong năm	82.380.000
Số dư cuối năm	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.984.307.490
Khấu hao trong năm	497.979.573
Số dư cuối năm	4.482.287.063
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	630.435.413
Số dư cuối năm	214.835.840

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 60 triệu VND (1/1/2017: không) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Phí dịch vụ tư vấn VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	207.301.432	90.452.639.907	90.659.941.339
Tăng trong năm	146.419.999	-	146.419.999
Phân bổ trong năm	(140.641.138)	(45.756.819.957)	(45.897.461.095)
Số dư cuối năm	213.080.293	44.695.819.950	44.908.900.243

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí phải trả

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	231.176.547.566	77.310.293.628
Phí dịch vụ chuyên môn	4.229.583.720	21.267.543.133
Chi phí khác	14.854.517.171	6.476.117.271
	250.260.648.457	105.053.954.032

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả	28.530.000	2.276.524.392.000
Phải trả khác	56.238.759.114	37.932.649.114
	56.267.289.114	2.314.457.041.114

13. Vay và trái phiếu

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả	796.425.000.000	567.960.000.000
	796.425.000.000	567.960.000.000
Vay và trái phiếu dài hạn (*)		
Vay và trái phiếu dài hạn	10.650.861.666.667	7.686.506.666.667
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(796.425.000.000)	(567.960.000.000)
	9.854.436.666.667	7.118.546.666.667

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Vay và trái phiếu dài hạn bao gồm:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay chuyển đổi (a)	-	567.960.000.000
Trái phiếu thường (b)	8.917.436.666.667	5.924.196.666.667
Khoản vay không đảm bảo (c)	1.733.425.000.000	1.194.350.000.000
	10.650.861.666.667	7.686.506.666.667
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(796.425.000.000)	(567.960.000.000)
	9.854.436.666.667	7.118.546.666.667

(a) **Vay chuyển đổi**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Credit Suisse Ag	USD	10,8%	2017	-	567.960.000.000

Khoản vay từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited (“JD”) là một khoản vay bằng USD, được quyền chuyển đổi với số dư nợ gốc là 30 triệu USD.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này bao gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời gian từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2,0% một năm và 6,0% một năm. Trong thời gian từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4,0% một năm và 4,0% một năm. Trong thời gian từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6,0% một năm và 2,0% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm.
- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu, giá chuyển đổi này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iv) Công ty cũng ký một hợp đồng với Công ty Cổ phần Masan mà theo đó công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một số tiền mặt là 30 triệu USD cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm, trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2015, khoản vay này đã được điều chỉnh với ngày đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2016. Vào ngày 29 tháng 11 năm 2016, khoản vay này đã được điều chỉnh với ngày đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2017. Credit Suisse Ag, Singapore Branch (“CSA”) trở thành bên cho vay theo Thỏa thuận Tín dụng giữa Công ty, JD và CSA. Tất cả các điều khoản và điều kiện được trình bày ở trên theo như đã được thỏa thuận trước đó giữa Công ty và JD được giữ nguyên là thỏa thuận giữa Công ty và CSA.

Theo Nghị Quyết của Đại hội Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2017, 13.685.900 cổ phiếu, sau khi xem xét các ảnh hưởng suy giảm, đã được phê duyệt để phát hành trong tương lai để tất toán khoản vay này nếu sự kiện chuyển đổi xảy ra.

Trong tháng 12 năm 2017, Công ty đã thanh toán khoản vay chuyển đổi này bằng tiền thay cho việc phát hành cổ phiếu.

(b) Trái phiếu thường

Các trái phiếu của Công ty bao gồm:

- 6.000 tỷ VND (1/1/2017: 6.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành, với thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. MCH đã thế chấp 81,3 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan để đảm bảo cho các trái phiếu này.
- 3.000 tỷ VND (1/1/2017: không) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành, với thời gian đáo hạn là 2 năm và chịu lãi suất năm cố định là 9,0%. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản đối với các trái phiếu trên.

(c) Khoản vay không đảm bảo

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
MRC Ltd (**)	USD	0%	2018	796.425.000.000	798.350.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	VND	6,5%	2021	937.000.000.000	396.000.000.000
				1.733.425.000.000	1.194.350.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Khoản vay bằng USD với số tiền là 796.425 triệu VND (tương đương với 35 triệu USD) (1/1/2017: 798.350 triệu VND).

Công ty đã ký một thỏa thuận với MRC Ltd, một nhà đầu tư thiểu số trước đây trong Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MSR”), một công ty con, cho phép MRC Ltd mua 12.000.000 cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 95.000 VND, và Công ty cũng ký một hợp đồng vay với MRC Ltd cho một khoản vay không đảm bảo với số tiền là 35 triệu USD. Khoản vay này phải trả sau hai năm kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất năm là 0%. Trong trường hợp MRC Ltd bán bất kỳ cổ phiếu nào trong 12.000.000 cổ phiếu của Công ty đã mua trước đó, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm, khoản vay phải trả sẽ được giảm tương ứng. Và MRC Ltd đã ký một thỏa thuận đề cấp cho Công ty một quyền chọn mua, theo đó Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty sẽ có quyền, nhưng không bắt buộc, mua từ MRC Ltd cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 112.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này chỉ được thực hiện trong trường hợp MRC Ltd gửi thông báo thanh toán cho khoản vay trên, sẽ đến hạn sau hai năm kể từ ngày giải ngân. Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được tính dựa trên tỷ lệ số tiền vay đã thanh toán trên tổng số dư nợ gốc là 35 triệu USD nhân với 12.000.000 cổ phiếu, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.467.178.610.000	9.631.106.345.096	(1.488.971.806.985)	-	1.508.489.710.494	17.117.802.858.605
Phát hành cổ phiếu	213.578.130.000	1.018.690.000.000	-	-	-	1.232.268.130.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	798.057.784.934	798.057.784.934
Giao dịch vốn chủ sở hữu	-	-	(206.366.375.583)	-	-	(206.366.375.583)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(641.110.498.916)	-	(641.110.498.916)
Cổ tức	-	-	-	-	(2.276.524.392.000)	(2.276.524.392.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	7.680.756.740.000	10.649.796.345.096	(1.695.338.182.568)	(641.110.498.916)	30.023.103.428	16.024.127.507.040
Phát hành cổ phiếu thưởng	3.794.207.000.000	(3.794.207.000.000)	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu	98.776.000.000	(50.000.000)	-	-	-	98.726.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.353.394.543.016	1.353.394.543.016
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(5.876.976.565.699)	-	(5.876.976.565.699)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	11.573.739.740.000	6.855.539.345.096	(1.695.338.182.568)	(6.518.087.064.615)	1.383.417.646.444	11.599.271.484.357

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.157.373.974	11.573.739.740.000	768.075.674	7.680.756.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.157.373.974	11.573.739.740.000	768.075.674	7.680.756.740.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	6.855.539.345.096	-	10.649.796.345.096
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(109.899.932)	(6.518.087.064.615)	(9.234.210)	(641.110.498.916)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

	2017		2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	768.075.674	7.680.756.740.000	746.717.861	7.467.178.610.000
Phát hành cổ phiếu thường (*)	379.420.700	3.794.207.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền	9.877.600	98.776.000.000	21.357.813	213.578.130.000
Số dư cuối năm	1.157.373.974	11.573.739.740.000	768.075.674	7.680.756.740.000

(*) Trong tháng 12 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành cổ phiếu thường với tỷ lệ là 50% trên mệnh giá. Việc phát hành này đã được hoàn tất trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi trả bằng cổ phần**

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phần dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phần trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 8 năm 2017, Công ty đã phát hành 9.877.600 cổ phần cho nhân viên theo mệnh giá bằng tiền.

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	9.677.578.400	6.436.716.000
Trong vòng hai đến năm năm	9.677.578.400	11.513.524.000
	19.355.156.800	17.950.240.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	299	6.773.074	4.296	97.596.714

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cổ tức	973.151.229.857	-
Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science	Cổ tức	-	1.207.540.953.000
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Cần trừ nợ	-	85.000.000.000
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Cần trừ nợ	-	324.000.000.000
Công ty TNHH Shika	Khoản cho vay đã cấp bằng tiền	-	588.500.000.000
	Khoản cho vay đã thu	-	1.402.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	19.369.561.644
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Khoản vay nhận được	910.000.000.000	4.396.000.000.000
	Khoản vay đã trả	369.000.000.000	4.000.000.000.000
	Chi phí lãi vay	68.651.041.097	12.140.219.178
Các bên liên quan khác			
Techcombank và các công ty con	Trái phiếu phát hành (*)	3.000.000.000.000	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt (**)	9.145.423.787	7.560.430.163

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại và các giao dịch đại lý với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các trái phiếu này đã được niêm yết và bán cho các nhà đầu tư dựa trên một thỏa thuận đã ký kết.

(**) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

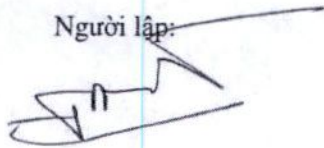
Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Trong tháng 1 năm 2018, Công ty đã thanh lý 0,8% lợi ích trong MNS cho PENM III Germany GmbH & Co. Kg với tổng giá trị là 363 tỷ VND.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

